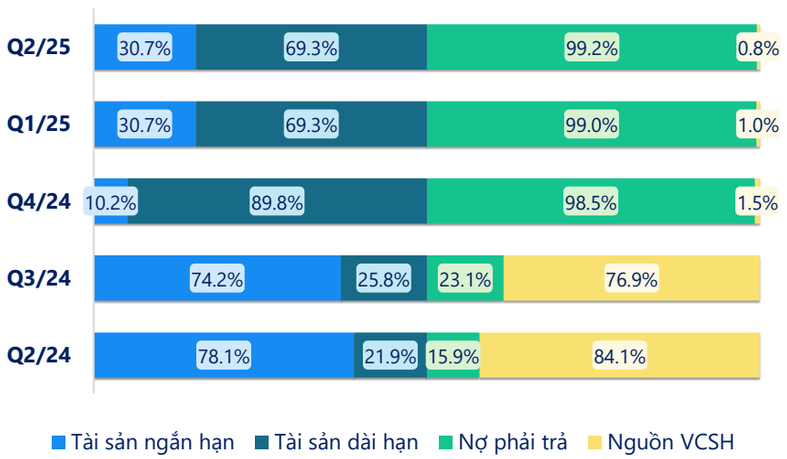
FireAnt

CTCP PIV (UPCOM: PIV)

Thông tin giao dịch	30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	2,700
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	4,800
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	2,700
SL cổ phiếu LH	17,324,942
KLGD BQ 20 phiên (CP)	70,155
% sở hữu nước ngoài	0.8%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	47
P/E	-48.7
EPS	-55

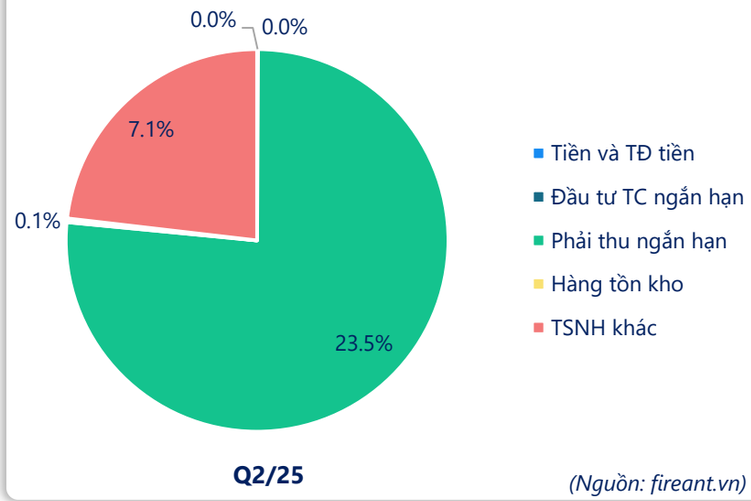
	YTD	1T	3T	6T
PIV	-3.6%	-12.9%	-22.9%	-6.9%
VNINDEX	8.4%	2.1%	5.3%	8.0%

Cơ cấu Tổng tài sản



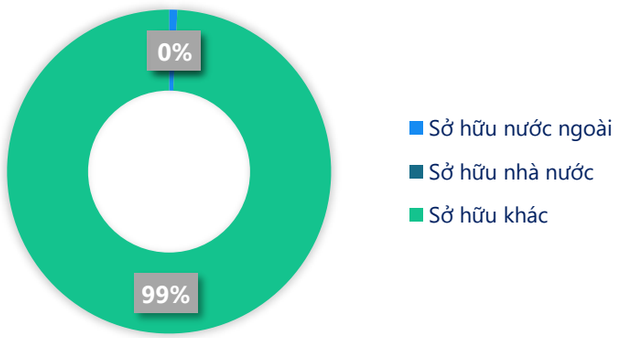
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



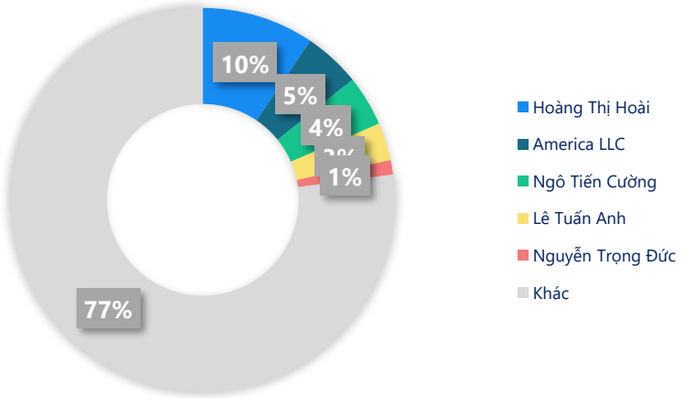
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu sở hữu



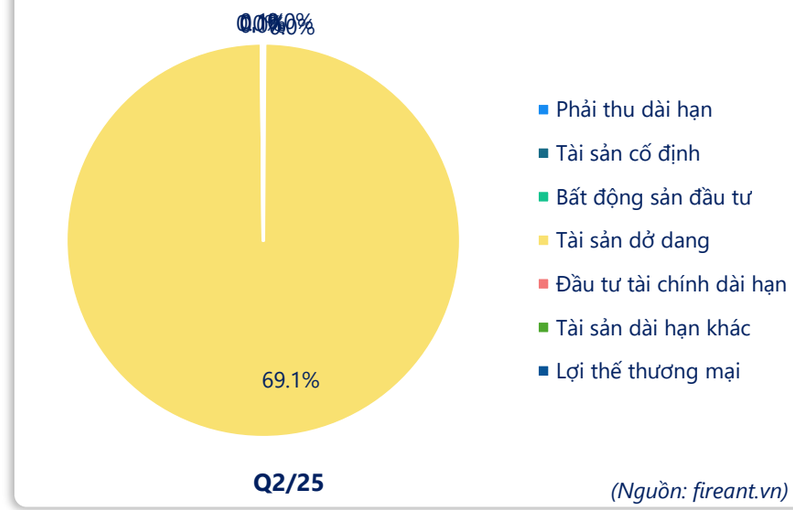
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

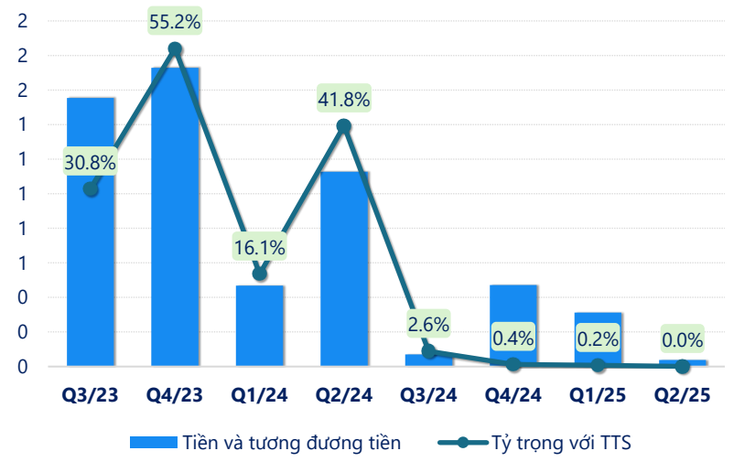


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

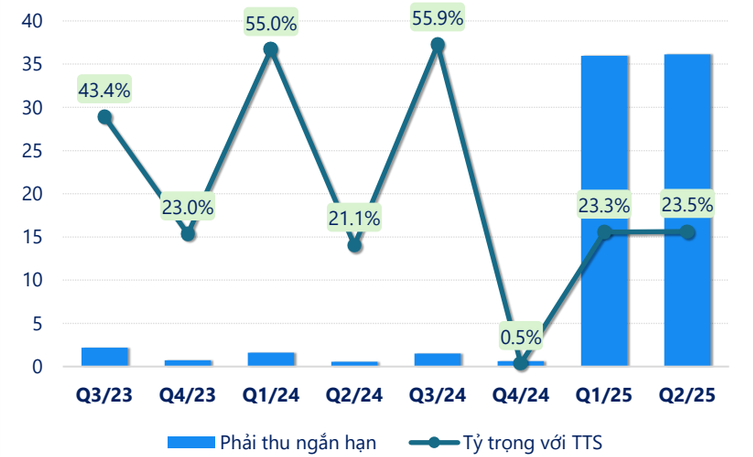
CTCP PIV (UPCOM: PIV)

Tiền và tương đương tiền



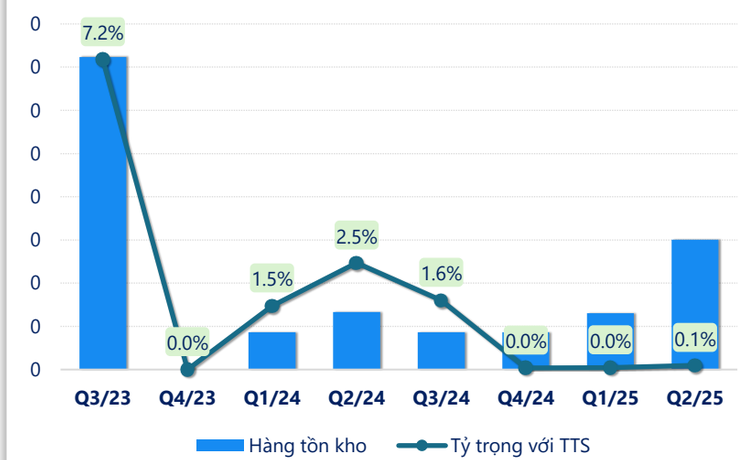
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



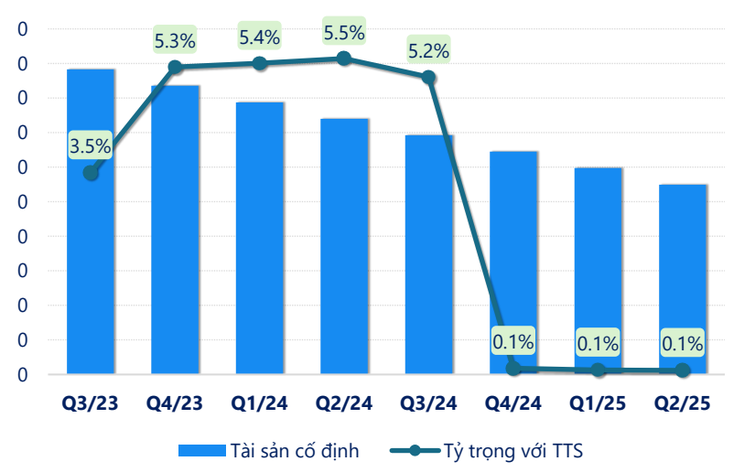
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



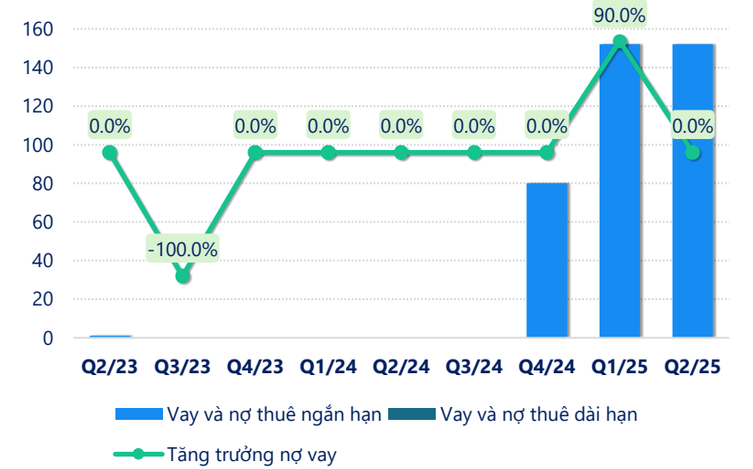
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



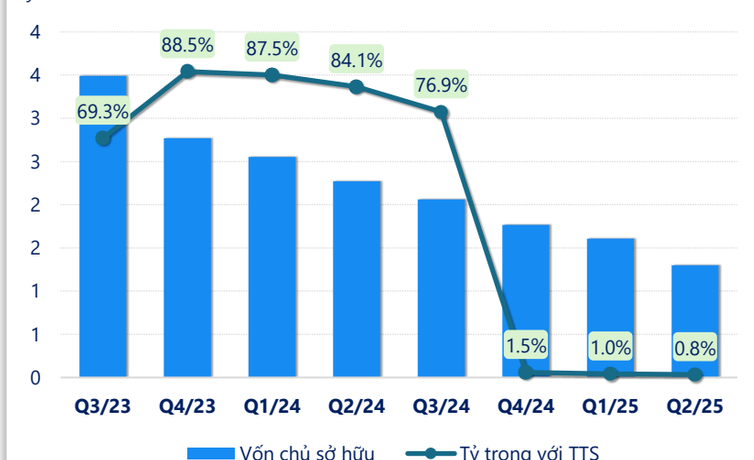
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu

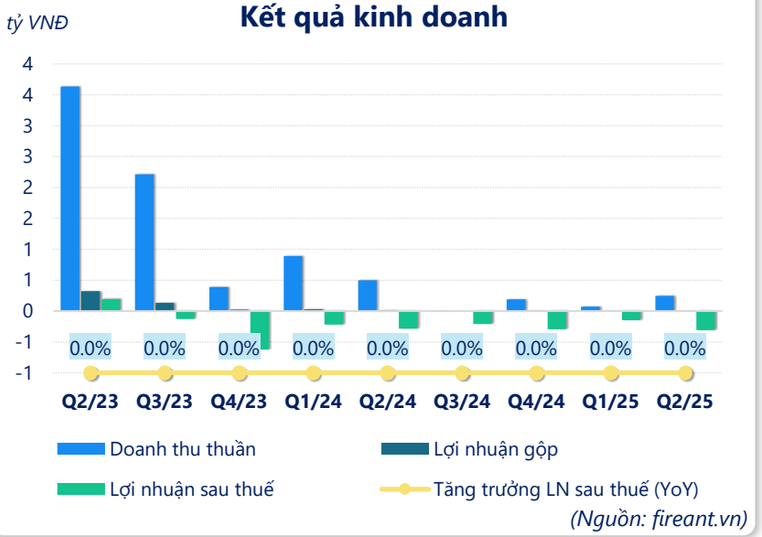


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

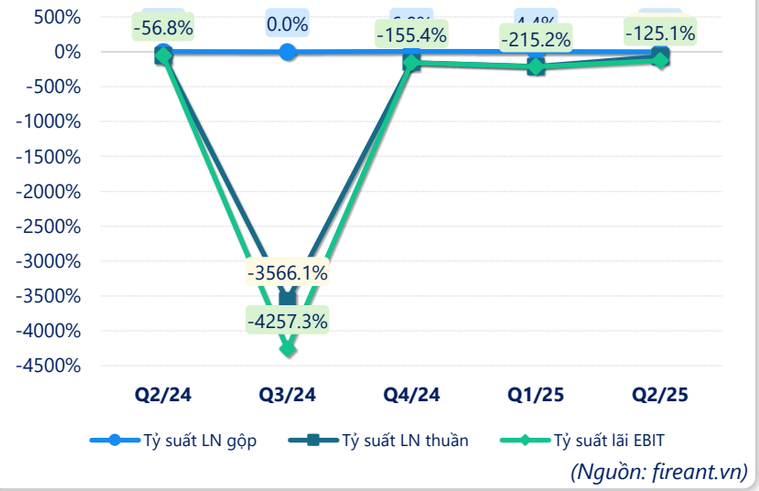
CTCP PIV (UPCOM: PIV)

Kết quả kinh doanh



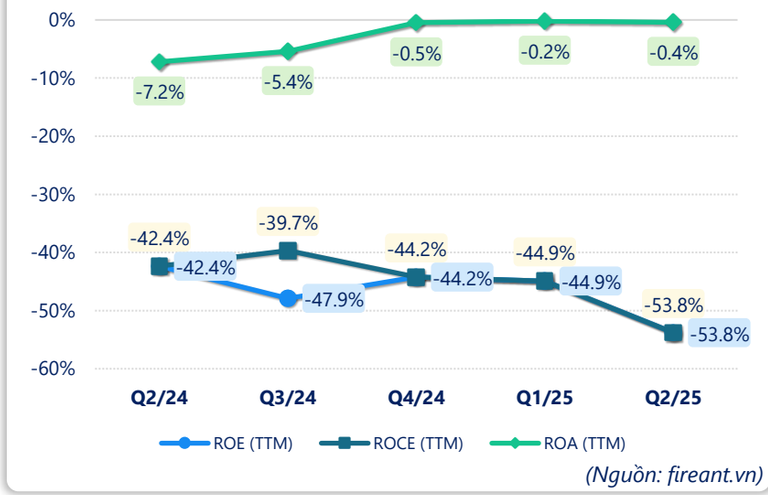
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận



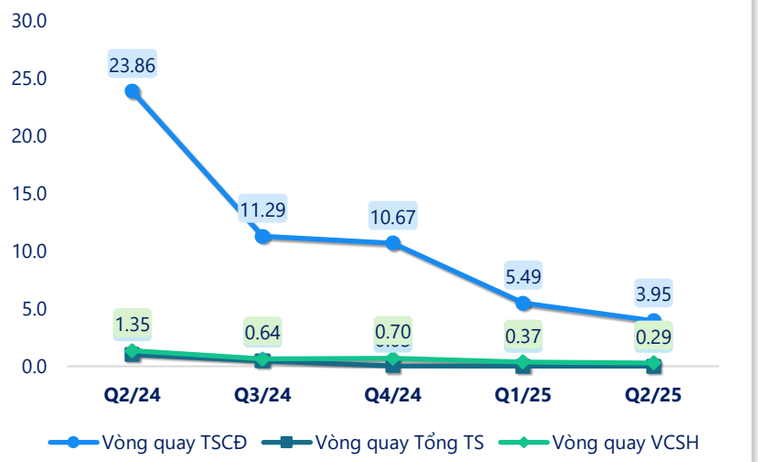
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



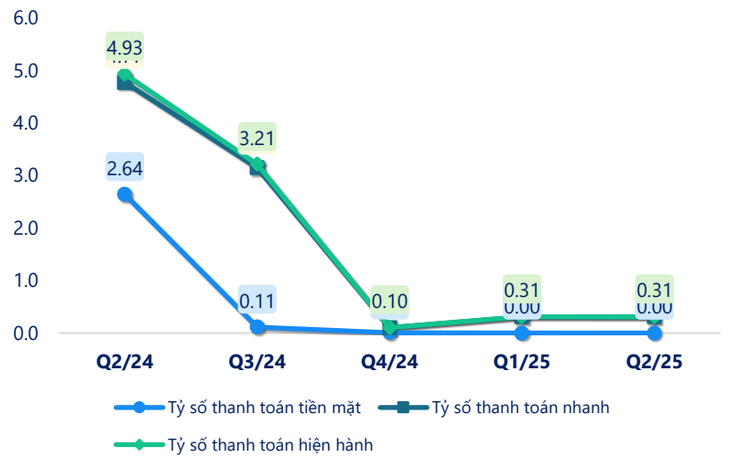
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



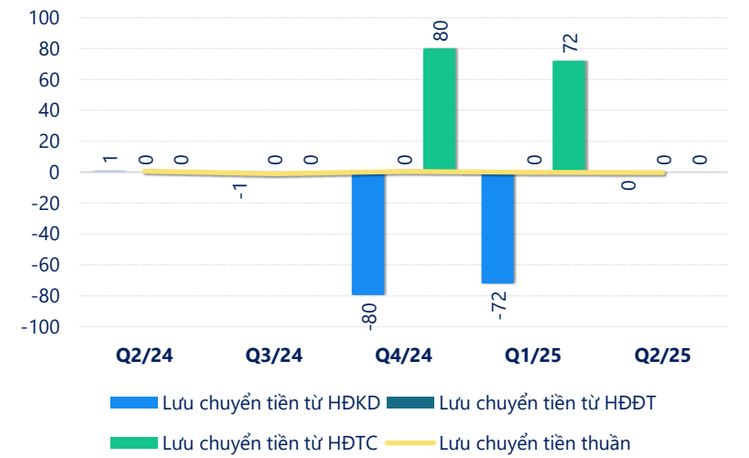
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền



(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

CTCP PIV (UPCOM: PIV)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**154**	**119**	**29.4%**
Tài sản ngắn hạn	47.3	12.1	292%
Tiền và tương đương tiền	0.04	0.47	-91.8%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	36.1	0.63	5605%
Hàng tồn kho	0.15	0.04	249%
Tài sản ngắn hạn khác	10.9	10.9	0.3%
Tài sản dài hạn	**107**	**107**	**-0.2%**
Phải thu dài hạn	0	0.08	-100%
Tài sản cố định	0.11	0.13	-14.8%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	106	106	0.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**0.15**	**0.24**	**-36.6%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	153	117	30.3%
Nợ ngắn hạn	**153**	**117**	**30.3%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	152	80.0	90.0%
Phải trả người bán ngắn hạn	0.08	36.7	-99.8%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**1.30**	**1.76**	**-26.0%**
Vốn chủ sở hữu	**1.30**	**1.76**	**-26.0%**
Vốn điều lệ	173	173	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Doanh thu thuần	0.50	0.00	0.19	0.07	0.25
Giá vốn hàng bán	0.48	0.00	0.18	0.07	0.24
Lợi nhuận gộp	0.01	0	0.01	0.00	0.00
Doanh thu HĐTC	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
Chi phí TC	0	0	0	0	0
Chi phí lãi vay	0	0	0	0	0
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0	0	0	0	0
Chi phí QLDN	0.31	0.18	0.30	0.15	0.17
LN thuần từ HĐKD	-0.29	-0.18	-0.29	-0.15	-0.16
Lợi nhuận khác	0.01	-0.03	0.00	0.00	-0.14
LN trước thuế	-0.28	-0.21	-0.29	-0.15	-0.31
Lợi nhuận sau thuế	-0.28	-0.21	-0.29	-0.15	-0.31
LNST của CĐ cty mẹ	-0.28	-0.21	-0.29	-0.15	-0.31

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	0.66	-1.06	-79.6	-72.2	-0.27
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0	0.00	0.00	0	0
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	0	80.0	72.0	0
Tiền đầu kỳ	0.47	1.13	0.07	0.47	0.31
Lưu chuyển tiền thuần	**0.66**	**-1.06**	**0.40**	**-0.16**	**-0.27**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	1.13	0.07	0.47	0.31	0.04

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic